

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Trung Du.**

2. Ông: **Lê Văn Hảo.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** – sinh ngày: 01/01/1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 13/7/2022).

- Bị đơn: Anh **Trần Văn L** – sinh năm: 1967 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 27/7/2022) .

Cùng địa chỉ: ấp A, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2022 chị Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18 tháng 11 năm 2002.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh L. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 31 năm đến tháng 3 năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ghen tuông

vô cớ, có lần còn anh L còn đòi giết chị làm chị hoang mang lo sợ. Chị và anh L đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 26/4/1992 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 23/3/2002. Hiện nay hai con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn L có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 27/7/2022 anh L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh đồng ý.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 26/4/1992 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 23/3/2002. Hiện nay hai con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 18/6/2022, Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Căn cước công dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú; Đơn xác nhận; Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa chị và bị đơn anh L, anh L có nơi cư trú tại ấp 3, xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh L có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T và bị đơn anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/11/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị T và anh L cùng thống nhất thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 31 năm đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị T là do anh L ghen tuông vô cớ, rồi dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh L đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, chị T yêu cầu ly hôn với anh L, anh L đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1992 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2002. Hiện nay hai con chung đã thành niên, chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn L.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn L có hai người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1992 và Trần Thị Mỹ D, sinh

ngày 23 tháng 3 năm 2002. Hiện nay Trần Minh K và Trần Thị Mỹ D đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh chị Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008537, ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trần Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh